TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH O
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

Số: 11/2019/DS -ST
Ngày: 14/08/ 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH O
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tích

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Lê Thị Thu Hà** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Th O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th O: **Bà Dương Thị Ngọc Loan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Th O, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLST-DS ngày 07/01/2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 06 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 13 ngày 23 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Th N, sinh năm 1960
Trú tại: ngõ 5, khu C Đ, phường H C, quận H Đ, Thành phố Hà Nội.
Bị đơn: Anh N V T, sinh năm 1970
Chị P T Đ H, sinh năm 1972
Trú tại: Thôn M, xã C D, huyện Th O, Thành phố Hà Nội

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/5/2012 Chị P T Đ H cùng chồng là anh N V T có viết giấy vay của chị Nguyễn Th N số tiền 1.000.000.000 đồng. Trong giấy vay không ghi thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất vay.

Theo chị N trình bày là giữa chị N và chị H do cùng làm trong ngành văn hóa Hà Nội nên có sự quen biết nhau. Chị H hỏi vay chị N 1 tỷ trong thời hạn đến tháng 10 năm 2012 thì trả, do tin tưởng nên chị N cho chị H vay tiền.

Đến tháng 10 năm 2012, chị N đòi chị H nhiều lần, nhưng vợ chồng chị H chuyển nhà đi chỗ khác và luôn lảng tránh việc trả tiền vay của chị N.

Nay chị N yêu cầu vợ chồng chị H phải trả chị N số tiền 1 tỷ vay từ tháng 5 năm 2012 và số tiền lãi theo lãi suất ngân hàng tính từ tháng 10 năm 2012 cho đến nay.

Bị đơn: Chị H và anh Tr Đã nhiều lần triệu tập nhưng không có mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Th N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị buộc chị H và anh Tr phải trả số tiền vay là 1 tỷ và lãi suất theo lãi suất quy định của ngân hàng tính từ ngày 21/10/2012 cho đến khi xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về trình tự tố tụng của vụ án đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 466, 468 BLDS 2015 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Th N, buộc vợ chồng anh N V T và chị P T Đ H phải trả số tiền nợ gốc là 1 tỷ và số tiền lãi theo quy định của ngân hàng tính từ tháng 10 năm 2012.

- Vợ chồng anh N V T và chị P T Đ H phải chịu áp phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là kiện "Kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

[2] Về thời hiệu khởi kiện và quyền khởi kiện: Người khởi kiện có quyền khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện vụ án còn.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định được ngày 21/5/2012 Chị P T Đ H cùng chồng là anh N V T có viết giấy vay của chị Nguyễn Th N số tiền 1.000.000.000 đồng. Trong giấy vay không ghi thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất vay.

Từ tháng 10 năm 2012, chị N đã nhiều lần đòi nợ nhưng không được. Vì vậy cần xác định thời điểm tính lãi từ tháng 10 năm 2012.

Căn cứ khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Công văn số 244/TANDTC –KHXX ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân Tối Cao về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam. Thì thời điểm các bên giao dịch vay tài sản mức lãi suất theo lãi suất cơ bản là 9%/năm tương đương 0.75%/tháng.

Anh N V T và chị P T Đ H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy cần buộc anh Tr và chị H phải trả cho chị N số tiền còn nợ là:

Tiền gốc là: 1.000.000.000 đồng.

Tiền lãi: Tính từ tháng 21/10/2012 cho đến tháng 8 năm 2019 là 6 năm 10 tháng (82 tháng); Mức lãi là: 9%/năm tương đương 0,75%/tháng.

Số tiền lãi cụ thể: 1.000.000.000 đồng x 0,75% / tháng x 82 tháng = 615.000.000 đồng.

Tổng tiền cả gốc và lãi là: 1.615.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 463, 466 BLDS 2015; khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005; Công văn số 244/TANDTC –KHXX ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân Tối Cao về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

Án phí: Vợ chồng Anh N V T và chị P T Đ H phải nộp 60.450.000 đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Th N số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 21.000.000 đồng theo biên lai số 0002443 ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th O, Thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Công văn số 244/TANDTC –KHXX ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân Tối Cao về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

-Khoản 1 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Th N.

2. Buộc vợ chồng Anh N V T và chị P T Đ H phải trả cho chị Nguyễn Th N tổng số tiền 1.615.000.000 đồng (một tỷ, sáu trăm mười năm triệu đồng)

Trong đó: Tiền nợ gốc là: 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng).

Tiền nợ lãi: 615.000.000 đồng (sáu trăm mười năm triệu đồng)

2.Án phí: Vợ chồng Anh N V T và chị P T Đ H phải nộp 60.450.000 đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Th N số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 21.000.000 đồng theo biên lai số 0002443 ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th O, Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu khoản lãi suất của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất không vượt quá 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương và trụ sở UBND xã C D nơi cư trú của bị đơn và Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th O, Thành phố Hà Nội.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Th O.
- Đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Bá Thắng

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Th O.
- Đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Bá Thắng